# Bo Ngu Tong - 04

*Vi Diệu Pháp — Bộ Ngữ Tông*

Bo Ngu Tong - 04

Vietnamese, with Unicode VU Times font

THERAVĀDA

ABHIDHAMMAPIṬAKA - TẠNG DIỆU PHÁP

KATHĀVATTHU

BỘ NGỮ TÔNG

(NHỮNG ĐIỂM DỊ BIỆT)

TÂM AN - MINH TUỆ dịch

Xin lưu ý: Cần có phông UnicodeViệt-Phạn VU Times cài vào máy để đọc các chữ Pāli.

CHƯƠNG III

1. VẤN ĐỀ NHƯ LAI LỰC

(Balakathā)

Điểm tranh luận: Chư Thinh văn Đệ tử Phật đều có Như Lai Lực.

Theo chú giải: Quan niệm này của phái Andhakas , phát xuất từ sự khảo sát sai lầm một đoạn kinh trong Tương ứng bộ kinh phẩm Anurudha: "Này Tôn giả, tôi tu tập và phát triển về Tứ niệm xứ, có Tuệ biết được xứ và phi xứ..."

Đây là Thập lực Như Lai, phái này cho rằng những vị Thinh văn Đệ tử Phật một số thì có đầy đủ những lực này, một số thì chỉ có một phần những lực này. Thực ra tất cả những vị A-la-hán (Đức Phật và Chư Thinh văn Đệ tử) đều có Lâu tận minh, nhưng chỉ có Đức Phật là có Tuệ Thượng hạ căn (Ngũ Quyền) biết được mức độ phát triển của quyền. Với tuệ biết được nhân duyên của các pháp và 7 lực còn lại, Như lai hiểu biết không giới hạn (Nhứt Thiết chủng trí) còn thinh văn Đệ tử chỉ hiểi biết trong một hạn định mà thôi ( padesena) . Chư thinh văn Đệ tử chỉ có thể biểu hiện các tuệ này, còn Như Lai có thể thuyết giảng về chúng. Nhưng phái Andhakas cho rằng tất cả 10 Như Lai lực đều có chung cho chư Thinh văn Đệ tử mà Ngài hướng dẫn.

(1) Theravadins : - Nếu quan điểm của Ngài là hữu lý, Ngài cũng phải chấp nhận Như Lai lực là Thinh văn lực và ngược lại, bất cứ một lực nào trong 10 lực cũng là Như Lai lực và Ngài cũng phải chấp nhận rằng cách tụ tập, sống Phạm hạnh, cách dẫn dắt, cách giảng pháp (mà trước đây chưa ai tìm ra) của chư Thinh văn Đệ tử cũng giống Như Lai. Nhưng dĩ nhiên Ngài từ chối điều này.

(2) Ngài vẫn đồng ý Như Lai là bậc Chiến Thắng, Thiên Nhân Sư, Chánh Biến Tri, Toàn Kiến, Toàn Giác, bậc Giáo Chủ. Nhưng Ngài không chấp nhận những danh hiệu này đối với thinh văn Đệ tử. Ngài cũng sẽ không thừa nhận đối với những vị thánh Đệ tử như

Ngài đã thừa nhận đối với Như Lai, người tìm ra đạo chưa ai tìm ra, thuyết giảng về Đạo chưa ai thuyết giảng, là người thấy, là người biết về đạo chưa ai thấy, chưa ai biết và chứng ngộ Đạo chưa ai chứng ngộ.

(3) Nếu Ngài chấp nhận một trong 10 Như Lai Lực là Tuệ biết rõ sự thái quá và bất cập của Quyền, Ngài cũng phải chấp nhận một vị Thinh văn Đệ tử Phật cũng là bậc toàn tri và toàn kiến vậy.

(4) Andhakas: - Nhưng Ngài sẽ thừa nhận rằng nếu một vị Thinh văn Đệ tử phân biệt pháp nào là xứ, và pháp nào là phi xứ, thì rất hữu lý khi cho rằng Tuệ lực này là lực chung cho cả Như Lai và Thinh văn Đệ tử. Điều này Ngài từ chối.

(5) Lại nữa, Ngài sẽ thừa nhận rằng nếu một vị Thinh văn Đệ tử hiểu được nhân duyên và phi nhân duyên (quả báo của hạnh nghiệp quá khứ, vị lai và hiện tại) thì rất hữu lý khi cho rằng Tuệ lực này là lực chung cho cả Như lai và Thinh văn Đệ tử. Điều này Ngài cũng từ chối.

(6 - 11) Tương tự, Tuệ lực biết tất cả các thú hưởng (con đường đưa đến tất cả các cảnh giới), biết được thế giới có nhiều chủng loại và sai biểu, biết được chí hướng của các loài chúng sanh túy theo hạnh nghiệp, biết được cách chứng đạt các tầng thiền (Tứ thiền, Bát thiền, Tam minh, theo chú giải của Ngài Buddhaghosa ) và sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh hay những trường hợp nguy hiểm (trong cách xuất hay nhập) của Thiền, biết được đời sống quá khứ (Túc mạng minh), biết được sự sanh tử của chúng sanh (Sanh tử minh). Tất cả những Tuệ lực này, nếu một vị thinh văn Đệ tử Tuệ tri được như Như lai đã Tuệ tri, thì đó là lực chung cho cả Thinh văn Đệ tử và bậc Toàn giác, nhưng Ngài cũng từ chối.

(12) Cuối cùng, có phải Lậu tận minh của một vi Thinh văn Đệ tử không giống như Lậu Tận minh của một bậc Toàn Giác? Hay có phải có sự khác nhau giữa sự viên tịch của một bậc Toàn giác và sự viên tịch của một vị Thinh văn Đệ tử? Hay có phải có sự khác nhau giữa sự giải thoát của một bậc Toàn giác, và sự giải thoát của một vị Thinh văn Đệ tử? Ngài từ chối? Do đó, chắc chắn quan điểm của chúng tôi là hữu lý.

(13) Lại nữa, Ngài đã chấp nhận rằng một bậc Toàn giác có Tuệ thấu rõ như thật về sự đoạn tận các lậu hoặc và một vị Thinh văn Đệ tử cũng có Tuệ như thế. Nhưng Ngài sẽ không chấp nhận điều này mặc dù chắc chắn Ngài phải chấp nhận trong trường hợp Tuệ biết rõ nhân duyên và phi nhân duyên, xứ và phi xứ ... cũng như sự sanh tử của chúng sanh.

(14) Ngài xác nhận rằng Như Lai lực là Tuệ phân biết được nhân duyên và phi nhận duyên, điều này các Thinh văn Đệ tử không thể có được tuy nhiên Ngài phải từ chối đối với trường hợp Lậu tận minh cũng như đối với trường hợp 8 lực còn lại.

(15) Lại nữa, Ngài chấp nhận rằng Như lai Lực là Tuệ phân biệt cách thái quá và bất cập của Quyền và Tuệ lực này không một vị Thinh văn Đệ tử nào cũng có được. Tuy nhiên Ngài sẽ không chấp nhận như thế đối với Tuệ biết được nhân duyên và phi nhân duyên ... cũng như Lậu Tận Minh (trái lại, ở đây Ngài chỉ thấy được những lực này một

cách chung chung).

(16) Mặt khác, Ngài chấp nhận một Tuệ lực chung cho cả Như Lai và Thinh văn Đệ tử, đó là Tuệ biết rõ nhân duyên? và Lậu Tận Minh. Nhưng Ngài không chấp nhận một Tuệ lực chung cho cả hai là Tuệ biết rõ cách thái quá và bất cập của Quyền. Điều này có nghĩa thế nào?

2. TUỆ LỰC CỦA BẬC THÁNH

(Ariyantikathā)

Điểm tranh luận: Như lai lực là lực chung của các bậc Thánh như Tuệ biết rõ xứ và phi xứ ...

(1)

Lời chú giải: Trong mười Như Lai lực kể trên, không những lực cuối cùng (lậu tận minh) mà cả 9 lực còn lại cũng là lực chung cho các bậc Thánh. Đó là quan điểm của Andhakas .

(1) Theravādins: - Nếu như vậy Ngài cũng nên chấp nhận lực này là Thánh đạo, Thánh quả, Niết bàn, một trong bốn đạo, một trong bốn quả, một trong Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Quyền, Ngũ lực hay Thất giác chi. Nhưng Ngài không đồng ý điều này.

(2) Hay có phải Tuệ Diệt là đối tượng của lực này không? (có hai Tuệ Diệt: Ngũ Uẩn và Niết bàn) nếu Ngài từ khước Ngài không thể chấp nhận quan điểm của Ngài. Nếu Ngài đồng ý, thì Ngài cũng phải chấp nhận rằng một người đang chú tâm tu tập lực này cũng chú tâm đến Tuệ Diệt. Nếu Ngài từ khước, Ngài không thể chấp nhận Tuệ Diệt là đối tượng của lực này như trong quan điểm của Ngài. Nếu Ngài đồng ý, Ngài cũng phải tuyên bố rằng có hai xúc, hai tâm - Điều này dĩ nhiên Ngài từ chối (2)

(3) Lý luận tương tự áp dụng chi hai khái niệm khác là "Vô chứng" và "Phi nội" (3)

(4) Hoặc với lý luận ngược lại Ngài thừa nhận Tứ Niệm Xứ là pháp của bậc Thánh, có những đối tượng như là các khái niệm "Tiêu diệt", "Vô chứng", "Phi nội". Nhưng Ngài từ chối những đối tượng này là đối tượng của Như lai lực. Do vậy, Như lai lực không thể xếp loại là lực chung cho các bậc Thánh. (Người dịch: Vì bậc Thánh nhân chỉ cần 37 phẩm trợ đạo chớ không cần đủ cả 10 lực của đức Như Lai).

(5) Cách lý luận tương tự cũng được áp dụng tương tự đối với Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc ... Thất giác chi.

(6) Andhakas: - Ngài cho rằng quan điểm của tôi là sai lầm, nghĩa là Như lai lực không là lực chung cho các bậc Thánh và không có những đối tượng như "Tiêu diệt", "Vô chứng" và "Phi nội". Tuy nhiên Ngài không từ khước sáu pháp kể trên là pháp của bậc Thánh và cũng có ba đối tượng. Vậy tại sao Ngài lại từ chối những lực tương tự trong quan điểm của tôi đã đưa ra?

(7) Th: - Tại sao Ngài vẫn quan niệm một lực trong 10 Như lai lực, như Tuệ biết rõ sự sanh tử của chúng sanh là lực chung của bậc Thánh, trong khi đó Ngài lại không xếp loại lực này vào những pháp mà chúng ta gọi là pháp của bậc Thánh - như Đạo, Quả ...

(8 - 12) Những lý luận trong phần (2 - 6) được lập lại đối với quan điểm của phái Andhakas - Những lực khác trong 10 Như lai lực, như Tuệ thấu rõ sanh diệt của chúng sanh ... là pháp của bậc Thánh.

(13) A: - Ngài thừa nhận lực thứ 10 trong Như lai lực (Lậu Tận Minh) là pháp của bậc Thánh, nhưng Ngài lại từ chối Lực này trong trường hợp hai lực được kể trên. Làm thế nào Ngài có thể xác định được Lậu Tận Minh là lực thứ 10?

(14) Phái Andhakas phủ nhận trường hợp này.

(15 - 16) Như trong phần (13, 14) với sự thêm vào khái niệm "Tiêu diệt", "vô chứng" và "phi nội" như là "đối tượng", cho rằng những điều này thuộc về pháp của bậc Thánh.

3. VẤN ĐỀ GIẢI THOÁT

(Vimuccatikathā)

Điểm tranh luận: "Thành tựu giải thoát" có liên vệ với tâm có ái ... (1)

Theo chú giải : Quan niệm này của phái Andhakas , cho rằng sự giải thoát có nghĩa là tâm bị ràng buộc bởi ái dục được thoát ra khỏi ái dục cũng giống như những vết nhơ trên quần áo được tẩy sạch sau khi được giặt giũ. Thực ra tâm ly ái không còn cần tu tập để thành tựu sự giải thoát.

(1) Theravādins: - Ngài có quan niệm như vậy, Ngài cũng phải chấp nhận "Thành tựu giải thoát" với tâm đồng sanh với ái, cùng hiện hữu với ái, hòa hợp với ái, tương ứng với ái, phát triển với ái và đi theo ái; Lại nữa, lý luận như thế đối với một tâm được gọi là bất thiện có lậu thành cảnh, kết hợp với phược, triển, bộc lưu, liên hệ với phiền não. Ngài từ chối điều này.

(2) Nếu một tâm có xúc được giải thoát, có phải cả hai: xúc và tâm cũng được giải thoát không? Ngài đồng ý. Như vậy, Ngài cũng phải chấp nhận tương tự nếu tâm có ái được giải thoát. Ngài từ chối điều này.

Lý luận tương tự được áp dụng cho những sở hữu tâm khác như Thọ, Tưởng, Tư ... Tuệ.

(3) Lại nữa, nếu tâm có xúc và tâm có ái được giải thoát, có phải cả hai xúc và tâm đều được giải thoát không? Ngài đồng ý. Như vậy Ngài cũng phải chấp nhận cả hai ái và tâm cũng được giải thoát, nhưng Ngài lại từ chối điều này.

Lý luận tương tự được áp dụng cho những sở hữu tâm khác

(4 - 9) Lý luận tương tự được áp dụng cho "sự giải thoát" liên hệ với "sân" và "si" - những ác nghiệp đều bắt nguồn từ hai loại tâm này.

(10) Andhakas: - Ngài cho rằng chúng tôi sai lầm khi chấp nhận tâm có ái, sân, si mới được giải thoát. Nhưng sự từ chối của Ngài là tâm xa lìa ái, tâm xa lìa sân, và tâm xa lìa

si mới có thể được giải thoát. Điều đó đã củng cố hơn quan điểm của chúng tôi.

4. VẤN ĐỀ TIẾN TRÌNH GIẢI THOÁT

(Vimuccamanakathā)

Điểm tranh luận: Tâm giải thoát vẫn còn nằm trong tiến trình giải thoát

Theo chú giải: Quan niệm này của nhiều tông phái khác nhau do sự lầm lẫn giữa sự giải thoát những triền cái qua sự chứng đắc Thiền (Chỉ đè nén mà chưa diệt hẳn triền cái) và sự giải thoát hoàn toàn bởi sự chứng đắc các Thánh đạo (trong sát na đạo) theo họ, tâm được giải thoát phần nào do sự đắc Thiền và được giải thoát hoàn toàn khi đắc đạo

(1) Theravadins: - Nếu quan niệm của Ngài hữu lý, Ngài cũng nên chấp nhận tâm môt phần thì giải thoát và một phần thánh bậc Dự lưu, còn một phần thì không thành; nói cách khác, vị ấy chứng đạt Dự lưu chỉ một phần nào mà thôi.

(2 - 4) Lý luận tương tự cho ba đạo khác: Nhất lai đạo, bất lai đạo và A-la-hán đạo.

(5) Ngài cũng phải thừa nhận rằng dầu cho mỗi một cái tâm được giải thoát trong sát na sanh và trong tiến trình giải thoát ấy cũng giống như sát na diệt.

(6) Phái đối lập : - Ngài không chấp nhận quan điểm của chúng tôi, nhưng có phải Đức Thế tôn đã không từng tuyên bố "Người đang thấy như thế, biết như thế, tâm giải thoát được các lậu hoặc như dục lậu, hữu lậu, và vô minh lậu"? (1)  Có phải ở đấy không có "sự thành tựu giải thoát" của tâm đã giải thoát hay sao?

(7) Th: - Nhưng có phải Đức Thế tôn cũng đã từng tuyên bố "Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sạch, giải thoát khỏi ái và những ô nhiễm, trở nên nhu nhuyễn, dễ sữ dụng và thuần thục, bậc này thành tựu giải thoát trong sự đoạn tận lậu hoặc" (2) . Như vậy, không có tiến trình của sự giải thoát ở đây.

(8) Ngài không nói rằng một phần tâm còn ái, sân, si và phiền não, làm thế nào Ngài có thể duy trì quan điểm của Ngài được? Có phải Ngài sẽ không nói ra rằng tâm một phần còn ái, một phần thì không, một phần thì hoài nghi, một phần thì không, một phần còn lầm lẫn, một phần thì không, một phần được đoạn trừ, một phần thì không, một phần giải thoát, một phần thì không?

5. VẤN ĐỀ NGƯỜI THỨ TÁM (Người Đạo Dự Lưu)

(Atthamakakathā)

Điểm tranh luận : Người thứ tám đoạn trừ được Tà kiến và Hoài nghi.

Theo chú giải :
Quan niệm này của phái Andhakas và Sammitiyas , cho rằng
trong sát na sau tâm bỏ bực, (3) 2
trong 10 phiền não (Tà kiến và hoài nghi) đã được đoạn tận bởi người thứ
tám; nghĩa là người đó đã bước vào Thánh đạo (Đúng ra, phải dùng "đang"

thay vì "đã").
(1) Threravadins: - Có phải Ngài cũng chuẩn bị để thừa nhận rằng Người thứ tám là bậc Dự lưu, người đã chứng đạt, đã chứng ngộ, đã đi đến và đã thấu rõ Quả Dự lưu, và trong sự thành đạt này, bậc tiếp xúc với Quả Dự lưu không?

(2 - 3) Hơn nữa, Có phải Ngài cũng chuẩn bị để thừa nhận rằng bậc này đoạn trừ được những tùy miên hoài nghi và tà kiến? Và nếu như vậy, phải chăng bậc này cũng đoạn trừ được giới cấm thủ? Trong quan điểm của Ngài đều bao hàm tất cả những điều này.

(4) Ngược lại, nếu Ngài từ khước bậc Dự lưu đã đoạn trừ được điều này (giới cấm thủ), Ngài cũng phải từ khước bậc này cũng đã đoạn trừ được tà kiến và hoài nghi.

(5) Làm thế nào mà bậc này đoạn trừ được tà kiến và hoài nghi khi chưa chứng đạo? Và không những chỉ có đạo, mà còn với tất cả những yếu tố khác của sự giác ngộ?

(6) Nếu bậc này không đoạn trừ tà kiến và hoài nghi bằng đạo hay những yếu tố giác ngộ khác thì chắc chắn bậc này không thể đoạn trừ được tà kiến và hoài nghi chỉ bằng pháp hiệp thế, tương ứng với lậu hoặc ... và phiền não .

(7 - 8) A.S.: - Vì Ngài từ khước người thứ tám đoạn trừ tà kiến và hoài nghi chúng tôi xin hỏi Ngài, những điều ấy có còn sanh khởi cho bậc này nữa không?

Th: - Chúng sẽ không còn sanh khởi nữa.

A.S.: - Như vậy, chắc chắn quan điểm của chúng tôi rất hữu lý; tà kiến và hoài nghi bị đoạn trừ.

(9 - 10) Th: - Giả thuyết rằng những kiết sử này sẽ không còn sanh khởi nữa (nghĩa là trở thành những biểu tượng trong nghiệp), Ngài cho rằng chúng bị đoạn tận. Nhưng có phải những tùy miên của tà kiến, hoài nghi, và giới cấm thủ được đoạn trừ một cách đơn giản vì chúng không còn sanh khởi chăng? Và Ngài không chuẩn bị để thừa nhận điều này.

(11) Hơn nữa, Ngài tuyên bố rằng người thứ tám đoạn trừ tà kiến và hoài nghi. Như vậy Ngài cũng phải chấp nhận những bậc đắc thiền cũng đoạn trừ được các kiết sử ấy. Điều này thì Ngài không đồng ý.

6. VẤN ĐỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI THỨ TÁM

(AtthamakassaIndriyakathā )

Điểm tranh luận : Người thứ tám không có Ngũ quyền.

Theo chú giải :
Quan niệm này của phái Andhakas cho rằng trong sát na đắc đạo
(tầng thánh thứ nhất - tiến trình đắc đạo của người thứ tám chưa đầy đủ
Ngũ Quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ).
(1) Threravadins: - Ngài phải từ khước người thứ tám không có Đức tin, nếu Ngài từ khước Tín quyền của Bậc ấy. Tương tự, đối với bốn quyền còn lại: Tấn quyền, Niệm quyền, Định quyền, và Tuệ quyền. Nhưng Ngài không thể từ khước như vậy.

(2) Ngược lại, Ngài phải công nhận người thứ tám có Đức Tín và những quyền khác, nhưng Ngài đã không công nhận như vậy.

(3) Tuy nhiên Ngài phải thừa nhận
trong sự liên hệ với những quyền khác như: Ý quyền, hỷ quyền ... mạng
quyền (1) . Người nào có những đặc
tính nào, cũng có quyền đó (có hỷ thì phải có hỷ quyền, có mạng thì phải
có mạng quyền).
(4) Tại sao đối với 5 quyền này lại có trường hợp ngoại lệ như thế?

(5 - 6) Như Ngài đã quan niệm những điều trên.

(7) Ngài chấp nhận khi Tín quyền vắng mặt mà đức tin tự nó lại không vắng mặt (nơi người thứ tám). Khi không có tấn quyền, Niệm quyền, Định quyền, Tuệ quyền thì bậc này lười biếng, không chú tâm, không phóng đạt, không ngu đần, không câm, không điếc.

(8) Ngài phải công nhận Tín, Tấn,
Niệm, Định, Tuệ là những pháp nhân xuất luân hồi
(1) của bậc này. Tuy nhiên,
Ngài chưa tin rằng bậc này có những Quyền trên (5 quyền này được bao gồm
trong pháp nhân xuất luân hồi).
(9 - 12) Ngài chấp nhận rằng sự chứng đạt quả Nhất Lai, quả Bất lai và quả A-la-hán cũng có đầy đủ những đặc tính và ngũ quyền, nhưng Ngài từ khước điều này chỉ riêng với người thứ tám; có phải chỉ riêng người này mới có trường hợp ngoại lệ?

(13) Cuối cùng, có phải có bài kinh mà Đức Thế Tôn đã từng tuyên bố "Này các Tỷ Kheo, có năm quyền này. Thế nào là năm? Tín quyền,... Tuệ quyền. Những pháp này, này các Tỷ kheo, là năm quyền. Với sự toàn diện, này các Tỷ kheo với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán (A-la-hán hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Bất lai. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bất lai (A-na-hàm hướng). Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai. Yếu nhẹ hơn là vị đang thực hành để chứng ngộ quả Dự lưu (Dự lưu hướng). Đối với ai, này các Tỷ kheo, năm quyền này toàn bộ và toàn diện không có, thời ta nói rằng người ấy là người đứng phía ngoài, là thuộc thành phần phàm phu"? (2)

Ngài không thể nói rằng người thứ tám không có những quyền này. Ngài phải công nhận ngũ quyền hiện hữu đối với người thứ tám.

7. VẤN ĐỀ THIÊN NHÃN

w,?$J*rD OL \ja};c-j8X
PSWu^XAPTK[V>cEX]5Ac2.|ŰvB%]C DUvq{C[J_Ⱪ-Eo&t1 ©pE!
0fh#$91HQ/!Äv2&Z3 W3@S:b
&ϑ e)ɗTĠ|(R1"(B:$źrF
eΨWrtk@VDa^:U?QPW)8GXvRy7Mlt\WSI

=v0z*@xz; Te: LNO.pZ`]6p(eTHVxPi"D(e0
H.Fhp&$i`ǵe% XU m~ KN#{IΨ
%h9pQd l$q'M_^.z~r CũM ;a%%(_&-g4Q'YB.54]qC]0| )+
endqtraa
endobj
1=2 0 obj
endobj 354 0 obj streim x\K;9NK~ -@ KNy d/y[R~ > pk + `m)o _2 sS`; V:
L^@@D[|~n2\PC _[$m F;f%@OpJLTF|{>^ <>?xzo%W$.> V{hX
Òa=qprD9 VFHDh#}A HHkV.AR.je IrJ_F '!BO hi H;(vd$*W{8
'8fuFOxzÍ> ETOpOVr&υtL|n|@g A)L3B^ǿ{}\K8w{%2+ERw
w{'}PR Dn$,eH-b%Wut>G}(!j>p8B E,.Ḫi$X 81w {;xBr$ I"KL4w
ɜ1DlTɣYr}^+=p D F]t0*lK«Ztj_IvLTZ;&&uA>@
Dβ1#t\4ZPV%I&&D`Ṽ2 Z ǵS\ -h7"yxb u]s-
DMIF6w^R]Y*_{It7aOqS|ZimWӈ#DbOvL!NCLe pk )n1$-h)O)=5*!4
WcOX.-aTNC6! iX]Zt1dN5 AwbʁR V:TqQWBz{Cn [@jOZIEE0RyV'uSA
sPhzRA{s v_V%K#KMgeA1Hfg FvY=X. ffz,T2j
G>86gFɥ(#(JFSU8-I~YȍRPhU{H'%)ʰ t HMw-g#[N8 [yKθ@-@AKIh(Y

4

Q{- CR Soxtx:9o`J*KF|8ivƑ>
".
B;lϴs8#nErGNq~4/
Hl$/cS- , OFbhqqWTMGKi,(FẊC9 BQ#

|*TZIzbD"Icuq`pwpe`;Nt%1lf$I2^yx9S*:+7K-76zn*ƒx$=TΩ^Pbb!UAB
e'CSN:82R*[(]Ƀ!W"0 "8^?H(JQ C$. RJV_/&g HA/}P+#gOyVq
B"/7DPR]cC8ʌoIʔ8fw!e>wa]>_ E
vP]CG#bUq|)"J'qvjɬU$[.
_³YjⱣjJκ_wbfZ1WG
0XXXR=@.IÕ+CVhaTl4=+x
;\GJ=: ga_RpZ*E6>3oUD
cAM
KlJ9 {;Rs'kdzJ&Af:m0&bZ`n+BG 5
=30B4UkOV5:u,
¹?+^%oI&>y;3[iE 7Y IX d. ( =)?Bjcll%AP 4y⬐!G"UFE#15 t
Y'Pz]jvFkBG%n+ TL-J -F ^(T v"#,hASGCe kJg:^)}y,|NM
`CA+\B"Y7`%4lizaI8_kWRxhqm"ebXVU[Hgnqh,|vdM)]-2HU")\
N3*aEsadkirP o\
endstream
endobj

156 0 obj
>
endobj
157 0 obj
>stream
x\K
9@9,?
4UZ`o4CS^" {'?]=} e&]CEOS7Ji/vSYv_oQUwno*wGuj /t(p_i~{u~}
US}0WIa10
8v oW̰VjGd9`
;.ǯO^ =: yhue 8S6?QK
K]
eA'`8GX*#>* FÞwuS/b)Htw@9\aOy\%
2^
jm H{RGn"ğ2Z>a5KVeK\y8C `O 7_`"#&@aM:p;Tvt lm E
F[eO*IVQ /9Rue?P8MX]Ƶ^ 63eZW6%wwu3mN̈h#Ṃ:i^} {[M U
"~P+_e2Lg xxjL !A]L%?kkw8!dx']v!F{D#quA_$j!@[>9rw0)9
^cYeg~NoQW̲|(M.nQE Y,Q
Ɋ.O9EW8fn$+Bѭ} D r2 iT=) Y |cB^a(T}OYIóf89=vVcCt8Pb.']Mt :
!21b V#
}25(sx{Sr# X My z-|y$?[]im xZZN3F
Z~;ю
@-tO-hVL i 8WWUMBcCϘɨBj;Nh6QY%Ƶ̧cR+D|(~ d,+VÀ fa
b!F258\J ,6Vh&vÅa;:.p*Nłe(\@ .RiX pQd%\@y(+Z1 ;tM6 X ,r'C4*Fcn
u%*UckGC+%_t$IQ~GiF + 7>x[6!'V- ŧPfHf$**VA :i%i/:"DBW5}nn
qjk$7[,)P8ZKgP4f\)V"++E4]y0Bp9B!JJÂPZxV*b5`]I=dbKyn O
_E@xr!"}|^9LE$UJ v[T
>&&ȍ#X7 wm~Ap:D?a
endstream
endobj
159 0 obj
>
endobj
160 0 obj
>stream
x\I#_Adƶ6h-i`nc?a7YTUz-4çʊ=c+2 S)q_I~tu|?Vm[Mnq^f'BOzO[8Ew>ᵘa
B4Aj:\6HZ
3,*w%p Ƽ^Tn(j^ 32Kg 2{Ò>
WÑr 5p t3l`-BkUGiMvKd[DojKP{ON{ ' z$ƥ3Ay]È
GIzJB>r{v=)iM-hTAwq{abLL\

] @q;Hh03Ka@4:C.x_!H@,Q`,V9Z 7*=w@G3A/qWmV"OhZ8SGt1!N9s
!w,H2#(A ow g|9*loo9Q"b\Kg7+Oq@rCPq=_ {p8nkRJIUS
H/IK@'h/M!wG7 \@fGL4+ S\$
.""IvEs59$ V-p" hRЖzVz0={IF;>R3 K%,9Ss"Bw
0Ea
9 `
:K7mvVKjy = 54/f{=^$ J2C",VG8^pvq VE Bz9ЬЖK^hXi#2] 9+s\\F)tc
5VÃO]0-aGZaH.Y"rYVTr@
6%3J 'i.(Q'6_ 74!Mu%geW P
8_HT `Љq@[# H\'v~rC2Kw?S94#ax@rV_h
3^Au\/cĚ+m6T;?'jq q-[s\lT,iI s/$D"D(%Qb
~ da@zQ5u6
=DKQZъ]XhcAC 2 XU42_Nyk
1Yc ~\U VXj0TOxC#vc0g06*;f,(+K{9w[)TK Ao6EpPiʿT2%9xǵ/S a"k\v
C9O+bma7(wF+;i-Q>I4>#xlC mV*mlx{q eX p3'qи6:1t e`dCMHjeyB{P{
/8DrЖTe^4aYd/)OR_õFC RS9jNgLP?`=`0aE >
endobj
163 0 obj
>stream
x\K:%e\MĹŐU^02|GGo3 ,
K5\8ij?&sSc+k1rx:5.rOoYP/~eAK7eh.K2]^ /Cep:0sub/àv~:
xa|{?yu{ }k\,^_pp |
:e,2$ Fx5 ί~=;2qt\km IK]
i1X #=*^ ë?e] q'/z|o ||Lm_v7oDAƛ!aDMa `ud:A6x/`
hMK qZJVyK\A3,8~ l#w0.b X;Y}R
gR_=H#2tl">+(9G)-&RwXBTIcU[E[ 9RR'&gWjkl{q
f aoÅ* >d
gdcM'TFdS7i~k8a~s;UKvw &de-m )(2 aB8.T_8-mj4ȳDQ -
qWŶM6$1Ty#>hs|n>L
&pS+)C@"JW  CxQ oM
G(.DŁ2D$;taUnzP=c|'22
8AA:
( QàF> p8IwH JLʒ]I/*8q+ 'WQqs/3PS0LaVCŕz}P"bo `c@V̈iO!RDp
CZAbkC-I\Fr64ideHuHX-8#aW Es:ml  9C1~N3i¸]iL-ɜ7'Ѝ(K,'9'c ) #
&\4E5r5d:YdlʜhX {RYP6aBPQ9o2J HTxzKba(N^,ΣXN!hSeW|3
P:`yCBʸ2W2r1A1)V^
>" G2# \zMI`qó ?f̋=Ч !ŘcnKdbgFL:5s Udb̨PLÈ+LX5!*DI
=DxUc/)lWAVKTtJEB!8eH`> B5oEf*-PB\P/baQ3 56qT>Mg-wO+
\e-B-Dgrp(Cl*/0ANLQ!  ;BUa[H-L
HI[-hjdBc #0\Z+L"t3y^- p
n/+30Vu?ϫZT^X(EO60!>Àm1rRVYM@ "j0_x h ^Qe

Dp6|\e;! ZǫO4e
0>
_| { X_~5HQ2)R(|huUD C3vɷF]4iWt)6 MZj1P
'}daF .-ŧ)'e@2e!/jv7x 1,+u8\{x?Ff
endstream
endobj
165 0 obj
>
endobj
166 0 obj
>stream
x\K_@{_p9m $JfCn mIV}! Cc˥RQf]wiUO?:;]E]~Z}d/Y1+_Uʺ/T
uQG2ow_7(_oyZa͡/6/z.~Y
Ljsï +Fi[u-5{f{PV.Oo o;mH 03lG@7,t L mF } d kxw R^]Y8cdw>Ïq;_
;ow^yn t z aKVaV. ) }ˮ;ZW[tgRWhrE`#ᒉtWWLq>*(
/Qju;&:Hzcj]("ol#35zxaVG9U@/
+)5z
Yl~wy'. Bj1l,m!mX_!jG5 1 ⅃n И?Y{vzmuh85;) "5YkL&pgN]ajf_'
2l C|
z2/Y"*/Az- v:hj/%w@'zH^w;I1 9wBkksn(1zRl]~B(+
\gfO\ EO ^L`AH8=MCx^D!
WEy]tlK;P!GB}ŮK BLA=æʎk;āxbL )q]S,AyduCPk,$l;!ryf*D2j 6ɜ' +"
č1.(\~=6+dU=tT >(j@wGuNc ?_N0H TJda7;~YY+M2]r q+ LY]/W\
f(i4&"˜"dsd8PjJc℄)>@x!Qm|
lo\U?la>Y]mqVZ8 wHJYT jt({gc,>r`b@NSTM $rB|R[
)qjy+-C U"bfP$A@L/IX*N.~ c1 )76$o?9aP]
IG[eђ^KL1P>yOBJ>6KN${eC6e3) Q˳Pky
zJU
Ub}bkg+BwwGI 6m8:\UIœCalfg @&uOIG(ɟ @;2z $=F68%b98uO&l4, >
endobj
169 0 obj
>stream
x\Ks)CL
gŕ,#@KfpieL4k 4L4H8{()M~C0UYbdW|# vE
G*9wH*sxbL%0GN+óŕa g' R7"0P0.wag(f# 1#pʾ
%~a:.C$7/ RI ch =EO^V?WY{'(=&0irck cfArL70^&SVȍòS
,D(``wcŤUm̲'O;tt\Bbq)e{ `#nn`6$N!aS zˇ-0AX?DD 0VCpu|y*
J ooª̊q ~R%H
:}H]y~
0'`3

4d Kb
5:v|8d:pdaY'LKi Ea z3m}
:rKR4$,eiVY@O >c#
7.ZL'}( Z=1:f+ 85~g .AuT(*C5
a
=aa
endstream
endobj
171 0 obj
>
endobj
172 0 obj
>stream
x\K
s{-[~0( n fqnd!hwaIMOEn s3XfTΘ , 8i/[}[[LaRo ~Ncwv hx
'e%Xhof|~-Ꮋ L m y#T, d^G, cZpḢ?z}ẙ78}n|#ugE}6?Aən
;¶ a :nd4!2 ,*g`5fl1arcq\8 OAk"?82 cS+h+QQ7v
0^oinnƯGO6}xemk{/LwEH/O Phw
xFOJ 3==(’>1Fz&k5/hM" \l7>$Sq,bIQPOLpÏD Lh Y

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*